

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC)

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Năm báo cáo 2021



MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	3
I.1. Thông tin khái quát	3
I.2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:	3
I.3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	3
I.4. Định hướng phát triển	4
I.5. Các rủi ro	4
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	6
II.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	6
II.2. Tổ chức và nhân sự	6
II.3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	10
II.4. Tình hình tài chính	11
II.5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.	12
II.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	13
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	14
III.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	14
III.2. Tình hình tài chính.....	15
III.3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021	15
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	16
IV.1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	16
IV.2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty.....	16
IV.3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	16
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	17
V.1. Hội đồng quản trị.....	17
V.2. Ban Kiểm soát	20
V.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.....	21
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	22
VI.1. Ý kiến kiểm toán	22
VI.2. Báo cáo tài chính được kiểm toán	23

I. THÔNG TIN CHUNG

I.1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (HEID).
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102222393 (thay đổi lần 04) ngày 26/4/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.
- Vốn điều lệ: 150.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ: Số 187B Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.
- Số điện thoại: 024.3512.39.39 Số fax: 024.3512.38.38 Website: heid.vn
- Mã cổ phiếu: EID.
- Quá trình hình thành và phát triển:
 - + Năm 2007: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp lần đầu số 0102222393 ngày 17/4/2007. Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Công ty được thành lập với số vốn điều lệ ban đầu là 80.000.000.000 đồng.
 - + Năm 2009: Cổ phiếu của Công ty có mã chứng khoán EID và được niêm yết trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 11/8/2009.
 - + Năm 2010: Tháng 6/2010, vốn điều lệ của Công ty được tăng lên 150.000.000.000 đồng.

I.2. Ngành nghề kinh doanh:

Xuất bản, in và phát hành sách giáo khoa, sách bổ trợ, sách tham khảo, thiết bị, phần mềm phục vụ dạy và học.

I.3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị : Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội hoạt động theo Luật doanh nghiệp và mô hình Công ty Mẹ - Công ty con.
- Cơ cấu bộ máy quản lý:



– Các công ty con, công ty liên kết:

STT	Tên Công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Công ty con			
1	Công ty TNHH MTV Hồng Hà – Thành Công	Kinh doanh khai thác bất động sản	110	100
2	Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Dịch thuật, biên soạn và kinh doanh thiết bị giáo dục; biên soạn các loại từ điển, sách tra cứu, sổ tay và các loại sách tham khảo giáo dục	03	89
3	Công ty CP Sách – TBTH Lạng Sơn	Ngành nghề kinh doanh chính: Bán buôn sách, báo, văn phòng phẩm, tổng hợp các loại.	03	66
II	Công ty liên kết			
1	Công ty CP. Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: kinh doanh sách giáo khoa; sản xuất kinh doanh thiết bị đồ dùng dạy học và đồ dùng học sinh; in ấn và phát hành các xuất bản phẩm giáo dục, văn hóa v.v.	20,5	46,34

I.4. Định hướng phát triển

Mục tiêu chủ yếu: Phát triển Công ty một cách ổn định, bền vững, phải bảo toàn được nguồn vốn và mang lại lợi ích cho cổ đông, đồng thời đảm bảo đời sống cho cán bộ nhân viên.

I.5. Các rủi ro:

I.5.1. Rủi ro về kinh tế

Nhìn chung, các tổ chức quốc tế đều đánh giá kinh tế thế giới năm 2021 tiếp tục xu hướng giảm, cộng với tác động từ dịch bệnh Covid-19 lên Thế giới sẽ làm nền kinh tế các ngành nói chung và ngành xuất bản nói riêng suy giảm nhanh hơn. Đồng thời khi ấy nhu cầu về giáo dục sẽ bị ảnh hưởng.

Tuy nhiên, ngành giáo dục vẫn là một trong những ngành tiềm năng vì Việt Nam là đất nước có dân số trẻ, nhu cầu đối với giáo dục đào tạo lớn. Đây cũng là một bước chuyển mình trong giai đoạn khó khăn, tiếp cận gần hơn với công nghệ 4.0 trong giáo dục nhằm giải quyết các vấn đề tồn tại hiện nay và cũng là động lực thúc đẩy nền giáo dục phát triển hòa nhập với xu thế mới của Thế giới.

I.5.2. Rủi ro về luật pháp

Thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ và Bộ GD&ĐT về đổi mới chương trình và SGK, theo đó sẽ có một chương trình và có nhiều bộ sách giáo khoa được áp dụng từ năm 2020. Vì vậy, trong các năm tiếp theo, nếu HEID không chủ động để nắm bắt, xây dựng chiến lược và kế hoạch nhân sự, phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp với xu thế này thì sẽ bị ảnh hưởng.

I.5.3. Rủi ro về môi trường

Quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm của HEID theo đánh giá thì không gây nhiều tác động tiêu cực đến môi trường. Tuy nhiên, nguyên liệu đầu vào chủ yếu trong quá trình sản xuất của HEID lại là giấy và mực in, đây là hai loại nguyên liệu cần sử dụng một lượng lớn các hóa chất có ảnh hưởng đến môi trường để xử lý, qua đó gián tiếp ảnh hưởng đến môi trường. Ngoài ra, trong quá trình sản xuất cũng cần đến một lượng lớn nguyên liệu như điện, nước, xăng, dầu... Với nhu cầu ngày càng cao thì nhu cầu sử dụng các nguồn năng lượng trên càng lớn.

Ý thức được vấn đề bảo vệ môi trường, đồng thời hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, HEID ưu tiên sử dụng các nguyên liệu từ sản phẩm tái chế, áp dụng các biện pháp tiết kiệm nguyên liệu.

I.5.4. Rủi ro về thiên tai, dịch bệnh

Kể từ khi được công bố chính thức vào Tháng 12/2019 thì dịch bệnh Covid 19 đã và đang có nhiều tác động tiêu cực đến các hoạt động kinh tế xã hội. Dịch đã ảnh hưởng trên phạm vi toàn cầu, gây gián đoạn chuỗi cung ứng nhiều sản phẩm hàng hóa của thế giới, đình trệ trong sản xuất kinh doanh.

Đối với ngành Giáo dục nói riêng, đây là lần đầu tiên mà học sinh không được đến trường trong thời gian quá dài...chính vì thế việc sản xuất và kinh doanh của Công ty cũng bị ngừng trệ, gián đoạn. Đầu ra của sản phẩm là việc phát hành sách và các sản phẩm giáo dục trong nửa đầu năm chắc chắn bị giảm sút...bên cạnh đó, đầu vào của công ty cũng gặp khó khăn do nguồn nguyên liệu chính (giấy) của công ty là nhập khẩu, việc dịch bệnh toàn cầu đã khiến cho các nguồn cung cấp khan hiếm, chậm trễ, giá tăng cao...

I.5.5. Rủi ro đặc thù

Nền kinh tế thị trường cùng với việc hội nhập quốc tế đặt ra cho HEID nhiều những cơ hội cũng như nhiều thách thức mới. Môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt sẽ gây sức ép tới mọi hoạt động của Công ty, buộc Công ty phải luôn đổi mới và có những chiến lược kinh doanh trong từng thời kỳ phù hợp.

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của HEID là xuất bản, phát hành sách trong đó sách bổ trợ và sách tham khảo là chủ yếu...

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

II.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021 (tỷ đồng)	Thực hiện (Công ty mẹ) 2021 (đồng)	Thực hiện (hợp nhất) 2021 (đồng)	TL % TH (Công ty mẹ so với KH)	TL % TH (Công ty mẹ so với CK)
1	Tổng doanh thu	557	759.793.619.093	785.927.856.895	136,4	113
2	Lợi nhuận trước thuế	46	61.866.849.960	66.132.851.586	134	122
3	Lợi nhuận sau thuế		46.061.978.752	49.496.907.869		
4	Cổ tức	13%	13%		100	100
5	Lãi cơ bản trên CP			2.827		
6	Duy trì đảm bảo các nguồn tích lũy, bổ sung vào các Quỹ đầu tư phát triển sản xuất, Quỹ dự phòng, v.v....					

II.2. Tổ chức và nhân sự

II.2.1. Danh sách Ban điều hành:

Ông: Lê Thành Anh - Ủy viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty

Họ và tên: Lê Thành Anh
Giới tính: Nam
Ngày sinh: 21/11/1974
Địa chỉ thường trú: P. Mỹ Đình, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:
Từ năm 1994 đến năm 1998: Công ty Phân đạm và hóa chất Hà Bắc
Từ năm 1998 đến năm 2021: Nhà xuất bản Giáo dục VN
Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
Từ năm 2021 đến nay: Chủ tịch Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công

Số cổ phần: Số cổ phần của cá nhân là 43.500 cổ phần, chiếm 0.29% vốn điều lệ

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Bà: Dương Thị Việt Hà - Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: Dương Thị Việt Hà

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 28/9/1977

Địa chỉ thường trú: LC62 Vinhomes Thăng Long, Nam An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp ngành Kế toán – Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội

Tốt nghiệp MBA Quản trị Kinh doanh – Trường Đại học Quốc gia liên kết ĐH Griggs Hoa Kỳ

Chương trình đào tạo Kế toán trưởng của trường Kinh tế Quốc dân

Quá trình công tác:

Từ tháng 8/2001 đến tháng 12/2005: Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Từ tháng 1/2006 đến tháng 4/2007: Nhà xuất bản giáo dục tại Hà Nội

Từ tháng 5/2007 đến tháng 4/2018: Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Từ tháng 4/2018 đến nay: Số cổ phần của cá nhân là 22.200 cổ phần, chiếm 0,15% vốn điều lệ.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Ông: Nguyễn Duy Hùng - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: Nguyễn Duy Hùng
Giới tính: Nam
Ngày sinh: 01/03/1976
Địa chỉ thường trú: CH801, OCT3B, KĐT CN-XĐ Xuân Đình,
Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ
Quá trình công tác:
06/2021 – nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và
Phát triển Giáo dục Hà Nội
Số cổ phần nắm giữ: Số cổ phần của cá nhân là 0 cổ phần, chiếm
0% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Ông: Phạm Quốc Cường - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: Phạm Quốc Cường
Giới tính: Nam
Ngày sinh: 11/01/1981
Địa chỉ thường trú: C4 Tập thể Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ
Quá trình công tác:
06/2021 – nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và

	Phát triển Giáo dục Hà Nội
Số cổ phần nắm giữ:	Số cổ phần của cá nhân là 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

Ông: Vũ Quang Thái - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên:	Vũ Quang Thái
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	28/01/1979
Địa chỉ thường trú:	TTTài chính, Dịch Vọng, Cầu Giấy, HN
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân
Quá trình công tác:	
01/2021 - nay:	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
Số cổ phần nắm giữ:	Số cổ phần của cá nhân là 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

Bà: Nguyễn Thanh Bình - Kế toán trưởng

Họ và tên:	Nguyễn Thanh Bình
Giới tính:	Nữ
Ngày sinh:	13/01/1983
Địa chỉ thường trú:	B1907 Tòa nhà Golden Palace – Mễ Trì Thượng – Quận Nam Từ Liêm - Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Trình độ văn hóa:	12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán - Học viện Tài chính

Quá trình công tác:

Từ tháng 11/2007 đến tháng 6/2017: Kế toán viên

Từ tháng 7/2017 đến tháng 3/2018: Phó Phòng Kế toán tài vụ

Từ tháng 4/2018 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Số cổ phần: Số cổ phần của cá nhân là 2.500 cổ phần, chiếm 0,017% vốn điều lệ.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

II.2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức danh	Thời gian
Miễn nhiệm			
1	Ông Vũ Bá Khánh	Tổng giám đốc	20/4/2021
Bổ nhiệm			
1	Ông Lê Thành Anh	Tổng Giám đốc	21/4/2021
2	Ông Vũ Quang Thái	Phó Tổng Giám đốc	01/01/2021
3	Ông Nguyễn Duy Hùng	Phó Tổng Giám đốc	01/06/2021
4	Ông Phạm Quốc Cường	Phó Tổng Giám đốc	01/06/2021

II.2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

Tính đến ngày 31/12/2021, số lượng cán bộ của Công ty là 150 người. Trong đó:

- Số nhân viên nam: 56 người.
- Số nhân viên nữ: 94 người.
- Độ tuổi lao động trung bình: 40 tuổi.

Cơ cấu lao động phân theo trình độ lao động như sau:

- PGS, Tiến sĩ, Phó tiến sĩ : 05 người
- Thạc sĩ : 19 người
- Đại học : 93 người
- Cao đẳng : 07 người
- Trung cấp, KTV, Lái xe, bằng nghề : 12 người
- Phổ thông : 14 người

II.3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

II.3.1. Các khoản đầu tư lớn.

II.3.2. Các công ty con, công ty liên kết.

* Đầu tư vào Công ty con:

- Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công: được đầu tư 125 tỷ đồng (là đơn vị được giao nhiệm vụ kinh doanh và khai thác tòa nhà VP HEID).

+ Doanh thu: 12,7 tỷ đồng.

+ Lợi nhuận: 7 tỷ đồng.

- Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục: tỉ lệ đầu tư là 89% vốn điều lệ tương đương 2,682 tỷ đồng (vốn điều lệ là 3 tỷ đồng).

+ Doanh thu: 16 tỷ đồng.

+ Lợi nhuận: 0,153 tỷ đồng.

- Công ty CP Sách – TBTH Lạng Sơn: tỉ lệ đầu tư là 66% vốn điều lệ tương đương 1,98 tỷ đồng (vốn điều lệ là 3 tỷ đồng).

+ Doanh thu: 48,6 tỷ đồng

+ Lợi nhuận: 0,649 tỷ đồng

* Đầu tư vào Công ty liên kết:

Công ty CP Sách – Thiết bị trường học Hà Tây: hiện tại Công ty HEID đang sở hữu 46,34% số cổ phần tại công ty này (vốn điều lệ 20,5 tỷ đồng).

+ Doanh thu: 172 tỷ đồng, lợi nhuận 6 tỷ đồng.

+ Cổ tức 10%

II.4. Tình hình tài chính

II.4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	478.855.623.119	505.398.960.769	5,5
Doanh thu thuần	666.874.822.433	778.829.498.558	16,8
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	62.370.619.345	65.144.230.409	4,4
Lợi nhuận khác	495.784.603	988.621.177	99,4
Lợi nhuận trước thuế	62.866.403.948	66.132.851.586	5,2
Lợi nhuận sau thuế	49.880.458.319	49.496.907.869	

II.4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	2,35	2,49
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1,50	1,73
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,36	0,34
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,56	0,52
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>		
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	3,34	4,33
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,39	1,54
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,075	0,064
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,162	0,149
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,104	0,098
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ DT thuần	0,094	0,084

II.5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

II.5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần phổ thông: 15.000.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần lưu hành: 15.000.000 cổ phần.
Cổ phiếu thường: 15.000.000 cổ phần.
Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phần.
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần.

II.5.2. Cơ cấu cổ đông:

Theo danh sách cổ đông chốt ngày 14/02/2022, Công ty có tổng số 1.457 cổ đông, cơ cấu như sau:

TT	Cổ đông	Số lượng	Số CP sở hữu	Tỷ lệ(%)
I	Cổ đông trong nước	1.409	11.329.398	75,5
1	Tổ chức trong nước	11	6.790.692	59,9
2	Cá nhân trong nước	1.398	4.538.706	40,1
II	Cổ đông nước ngoài	48	3.670.602	24,5
1	Tổ chức nước ngoài	10	2.636.700	71,8
2	Cá nhân nước ngoài	38	1.033.902	28,2
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
TỔNG CỘNG		1.457	15.000.000	100

II.5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.

II.5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

II.5.5. Các chứng khoán khác: Không.

II.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

II.6.1. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- Số lượng lao động: 150 người.
- Mức lương trung bình đối với người lao động: 15 triệu đồng/ người.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Để đảm bảo quyền lợi cho người lao động, Công ty thanh toán đầy đủ các khoản BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động. Ngoài ra, để người lao động có sức khỏe tốt và yên tâm làm việc, Công ty còn tổ chức lớp tập yoga ngay tại Công ty và khám chữa bệnh định kì cho tất cả CB CNV.

II.6.2. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Trong năm 2021, Công ty đã tham gia công tác xã hội, từ thiện như: tặng Sách, thiết bị trường học cho các tỉnh, ủng hộ các quỹ phòng chống dịch Covid 19... với tổng số tiền gần 1,7 tỉ đồng.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

III.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

* Các chỉ tiêu tài chính năm 2021:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021 (tỷ đồng)	Thực hiện (Công ty mẹ) 2021 (đồng)	Thực hiện (hợp nhất) 2021 (đồng)	TL % TH (Công ty mẹ so với KH)	TL % TH (Công ty mẹ so với CK)
1	Tổng doanh thu	557	759.793.619.093	785.927.856.895	136,4	113
2	Lợi nhuận trước thuế	46	61.866.849.960	66.132.851.586	134	122
3	Lợi nhuận sau thuế		46.061.978.752	49.496.907.869		
4	Cổ tức	13%	13%		100	100
5	Lãi cơ bản trên CP			2.827		
6	Duy trì đảm bảo các nguồn tích lũy, bổ sung vào các Quỹ đầu tư phát triển sản xuất, Quỹ dự phòng, v.v....					

* **Đầu tư, kinh doanh khác:**

Đầu tư vào Công ty con:

- Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công (đơn vị được giao nhiệm vụ kinh doanh và khai thác tòa nhà HEID).

+ Đầu tư : 125 tỷ đồng (từ năm 2012)

+ Khai thác : 100% công suất

+ Doanh thu : 12,7 tỷ đồng

+ Lợi nhuận : 7 tỷ đồng

- Công ty CP Sách Dịch và Từ điển Giáo dục:

+ Đầu tư : 2,6 tỷ đồng (89% vốn điều lệ, từ năm 2015)

+ Doanh thu : 16 tỷ đồng

+ Lợi nhuận : 153 triệu đồng

- Công ty CP Sách - TBTH Lạng Sơn:

+ Đầu tư : 1,980 tỷ đồng (66% vốn điều lệ, từ năm 2019)

+ Doanh thu : 48,6 tỷ đồng

+ Lợi nhuận : 649 triệu đồng

2.2 Đầu tư vào các Công ty liên kết:

Công ty CP Sách - TBTH Hà Tây (46,3% vốn điều lệ, từ năm 2009)

Năm 2021, Công ty CP Sách - TBTH Hà Tây có:

+ Doanh thu : 172,6 tỷ đồng

+ Lợi nhuận : 6 tỷ đồng

+ Cổ tức : 10%

2.3 Đầu tư khác:

- Năm 2009, Góp vốn vào Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội (tỉ lệ sở hữu 4,85% vốn điều lệ Công ty): cổ tức: 10 %.

III.2 Tình hình tài chính

III.2.1. Tình hình tài sản

Tổng tài sản trong năm 2021 của Công ty tăng 5,5% so với 2020. Các khoản phải thu trong năm là 91.465 triệu đồng tăng 30.061 triệu đồng (tương ứng 49%) do ảnh hưởng bởi dịch Covid nên chưa thu hồi được công nợ. Doanh thu trong năm 2021 tăng 16,8% so với năm 2020. Trong năm 2021 vẫn còn một số khoản nợ phải thu quá hạn nhưng chưa tính là nợ phải thu xấu, công ty cũng đã có biện pháp trích dự phòng cho các khoản nợ quá hạn.

III.2.2. Tình hình nợ phải trả

Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ. Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

- Tình hình nợ hiện tại, có những biến động như sau :

+ Nợ ngắn hạn của Công ty thời điểm cuối năm 2021 là 171.388 triệu đồng tăng 2.497 triệu đồng (tương đương 1,5%) so với cùng kỳ năm 2020. Năm 2021, Công ty vẫn duy trì các khoản đầu tư tại một số đơn vị công ty liên kết và công ty con, tuy cơ cấu sản xuất cũng tăng so với 2020 nhưng khoản vay phục vụ sản xuất kinh doanh giảm.

+ Nợ dài hạn của Công ty thời điểm cuối năm 2021 là 2.136 triệu đồng giảm gần 438 triệu đồng (tương đương 17%) so với cùng kỳ năm 2020.

III.3. Kế hoạch sản xuất – kinh doanh năm 2022

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾ HOẠCH 2022	TL% SO VỚI NĂM 2021
I	Sản lượng (tổng các dòng sản phẩm)			
1	Phát hành sản phẩm (<i>sách hỗ trợ, sách ngoại ngữ, sách tham khảo, VNEN</i>)	triệu bản	54,37	108
2	Công suất khai thác Tòa nhà HEID	%	100	100
II	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	tỷ đồng	700	92
III	Lợi nhuận	tỷ đồng	50	81
IV	Cổ tức	%	14	108

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

IV.1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2021 là năm Công ty gặp nhiều khó khăn do các khó khăn chung của cả nước và của ngành giáo dục, song với sự nỗ lực cố gắng của HĐQT, Ban điều hành và tập thể người lao động, sự ủng hộ của quý cổ đông, nên kết quả SXKD của Công ty vẫn đạt và vượt mức các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 đã thông qua, cụ thể:

- Doanh thu (hợp nhất) 786 tỷ đồng, tăng 17% so với năm 2020.
- Doanh thu (Công ty mẹ) 759,8 tỷ đồng, đạt 136,4% kế hoạch năm 2021, tăng 13% so với năm 2020.
- Lợi nhuận trước thuế (hợp nhất) 66 tỷ đồng, tăng 5% so với năm 2020.
- Lợi nhuận trước thuế (Công ty mẹ) 61,8 tỉ đồng, đạt 134% kế hoạch năm 2021, tăng 22% so với năm 2020.
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (hợp nhất) 2.827 đồng.
- Cổ tức 13%, đạt kế hoạch và tăng 1% so với năm 2020.

IV.2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

HĐQT đánh giá cao sự nỗ lực cố gắng, đoàn kết trong quản lý, điều hành của Tổng Giám đốc và các thành viên ban điều hành, đã chủ động, sáng tạo, linh hoạt trong điều hành các hoạt động của Công ty trong điều kiện cạnh tranh ngày càng gay gắt, Công ty có sự chuyển giao chức danh Tổng Giám đốc điều hành và phải thực hiện mục tiêu kép là vừa SXKD, vừa phòng chống dịch Covid 19. Đến hôm nay, HĐQT vui mừng báo cáo với quý cổ đông là năm 2021, Công ty của chúng ta đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

Trong quá trình hoạt động, Ban Điều hành đã tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế Quản trị Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết HĐQT, quy định của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (NXBGDVN) đối với các đơn vị thành viên.

IV.3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Ổn định cơ cấu, bộ máy quản lý, bố trí lao động theo hướng tinh gọn, hiệu quả.
- Giữ vững và phát triển thị trường SGK ở các địa phương được phân công phụ trách, chú trọng giữ thị trường truyền thống và phát triển thị trường đối với các dòng sản phẩm chủ lực (SBT, STA, Sách NN khác) của Công ty.

- Tập trung nguồn lực về tài chính, cùng với tăng cường nhân sự có trình độ chuyên môn cao, huy động đội ngũ tác giả, chuyên gia, cộng tác viên có kinh nghiệm để hoàn thành tốt việc tổ chức biên soạn các môn của bộ sách giáo khoa mới, sách tham khảo thiết yếu được NXBGDVN phân công làm đầu mối tổ chức bản thảo và phát triển các dòng sản phẩm mới của Công ty đáp ứng theo nhu cầu của thị trường.

- Hoàn thành chỉ tiêu sản lượng phát hành, chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, cổ tức theo kế hoạch được ĐHCĐ thông qua.

- Đảm bảo lợi ích của người lao động, chi trả cổ tức cho cổ đông và có nguồn tích lũy để tái cơ cấu mở rộng cho những năm tiếp theo.

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành, sản xuất – kinh doanh để nâng cao hiệu quả lao động, tạo ra các dòng sản phẩm có tích hợp với học liệu điện tử có khả năng cạnh tranh cao, chống in lậu.

- Chú trọng đến việc xây dựng hình ảnh và thương hiệu, giữ gìn môi trường, thực hiện trách nhiệm xã hội.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

V.1. Hội đồng quản trị

V.1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ Tên	Chức danh	Tỉ lệ sở hữu cổ phần	Chức danh tại Công ty khác
1	Phạm Văn Thắng	Chủ tịch HĐQT	0%	Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV NXBGDVN
2	Lê Thành Anh	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0,29%	Chủ tịch Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công
3	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Ủy viên HĐQT	0%	Trợ lý Tổng Giám đốc NXBGDVN
4	Dương Thị Việt Hà	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	0,15%	
5	Nguyễn Thanh Bình	Ủy viên HĐQT	0,017%	

V.1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

V.1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2021, đã tổ chức các cuộc họp định kì hằng quý và bất thường để triển khai kịp thời những chỉ đạo của HĐQT. Các nghị quyết của HĐQT ban hành đều được sự thống nhất và đồng thuận cao của các thành viên.

Nội dung các cuộc họp :

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	04/02/2021	- Thông qua kế hoạch tài chính 2021 của Công ty. - Tạm ứng cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt. Thông qua thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
2	02/NQ-HĐQT	17/03/2021	Thông qua phương án vay vốn theo hạn mức năm 2021 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành.
3	03/NQ-HĐQT	22/03/2021	- Thông qua chương trình, nội dung tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. - Thông qua Đơn xin từ nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc của Ông Vũ Bá Khánh từ ngày 21/4/2021. - Thông qua Đơn xin từ nhiệm chức vụ Ủy viên Hội đồng quản trị của Bà Đỗ Thị Phương từ ngày 21/4/2021.
4	05.1/NQ-HĐQT	20/04/2021	- Miễn nhiệm chức danh Giám đốc (Tổng Giám đốc) Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội kể từ ngày 21/4/2021 đối với Ông Vũ Bá Khánh. - Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công đối với Ông Vũ Bá Khánh. - Thôi cử làm Người đại diện theo pháp luật của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội đối với ông Vũ Bá Khánh từ ngày 21/4/2021. - Thôi cử làm Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công đối với ông Vũ Bá Khánh kể từ ngày 21/4/2021.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
5	05.2/NQ- HĐQT	20/04/2021	<p>- Tiếp nhận ông Lê Thành Anh, Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV NXBGD VN và bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội kể từ ngày 21/4/2021.</p> <p>- Cử ông Lê Thành Anh làm người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội kể từ ngày 21/4/2021.</p>
6	05.3/NQ- HĐQT	20/04/2021	<p>- Bổ nhiệm ông Lê Thành Anh, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội giữ chức vụ Chủ tịch Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công kể từ ngày 21/4/2021.</p> <p>- Cử ông Lê Thành Anh làm người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công kể từ ngày 21/4/2021.</p>
7	05.4/NQ- HĐQT	20/04/2021	Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty kể từ ngày 21/4/2021 đối với Bà Nguyễn Thu Hà - PPT Phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp kiêm Thư kí HĐQT Công ty.
8	06/NQ-HĐQT	20/04/2021	<p>- Thông qua chủ trương thành lập “TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ GLOBAL SUCCESS”</p> <p>- Bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân làm Giám đốc TT Ngoại ngữ GLOBAL SUCCESS.</p>
9	07/NQ-HĐQT	01/06/2021	Thông qua phương án thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021.
10	08/NQ-HĐQT	18/06/2021	<p>- Thông qua bổ nhiệm Ông Phạm Quốc Cường giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội kể từ ngày 01/06/2021.</p> <p>- Thông qua việc tiếp nhận Ông Nguyễn Duy Hùng, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam về làm việc tại Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội và bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 01/06/2021.</p>
11	09/NQ-HĐQT	08/07/2021	<p>- Thông qua kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch tính đến ngày 30/6/2021.</p> <p>- Thông qua phương hướng nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2021</p>
12	10/NQ-HĐQT	12/07/2021	Thông qua hạn mức vay vốn năm 2021 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Hà Nội

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
13	11/NQ-HĐQT	16/07/2021	Thông qua hạn mức vay vốn năm 2021 tại Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam – CN Phạm Hùng.
14	12/NQ-HĐQT	15/09/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua chủ trương góp vốn vào Công ty Cổ phần Công nghệ Giáo dục AES. - Thông qua việc thành lập Phòng Thư kí biên tập, bổ nhiệm Ông Đỗ Việt Cường - Tổ trưởng Tổ Thư kí biên tập (Ban Biên tập 1) giữ chức vụ Phó phòng Thư kí biên tập kể từ ngày 01/10/2021. - Thông qua việc thành lập Phòng Truyền thông, bổ nhiệm Bà Lê Quỳnh Trang - Phó ban Ngoại ngữ giữ chức vụ Phó phòng Truyền thông kể từ ngày 01/10/2021.
15	13/NQ-HĐQT	31/12/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch tính đến tháng 12/2021: - Thông qua chỉ tiêu đơn giá tiền lương năm 2021. - Thông qua thời gian dự kiến tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2022 thực hiện trong Quý I/2022.

Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT

Nhìn chung, các thành viên của HĐQT đều là những người có bề dày kinh nghiệm, mạng lưới quan hệ rộng rãi và uy tín cao trong ngành giáo dục.

Trong năm 2021, HĐQT luôn tuân thủ thực hiện theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành, Điều lệ của Công ty và Quy chế Quản trị Công ty. Hội đồng quản trị đã hoạt động tích cực, duy trì và phát huy việc giám sát chặt chẽ đối với hoạt động của Ban Điều hành nhằm đảm bảo thực hiện đúng nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021 cùng các mục tiêu chiến lược và kế hoạch đã đặt ra. HĐQT kịp thời chỉ đạo và hỗ trợ Tổng Giám đốc, Ban Điều hành trong công tác triển khai thực hiện các chỉ tiêu sản xuất – kinh doanh của Công ty: HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường để thông qua các công việc thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT và giải quyết, xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh cần giải quyết ngay. HĐQT tham dự các cuộc họp sơ kết quý và tổng kết năm để đưa ra các chỉ đạo và định hướng cho Công ty.

Ngoài ra, HĐQT còn phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát giám sát Ban điều hành trong việc điều hành sản xuất – kinh doanh và tài chính doanh nghiệp.

V.2. Ban Kiểm soát

V.2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ Tên	Chức danh	Tỉ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Nguyễn Thúy Hạnh	Trưởng Ban Kiểm soát	0,078%
2	Nguyễn Thị Kim Anh	Ủy viên Ban Kiểm soát	0 %
3	Phan Đức Minh	Ủy viên Ban Kiểm soát	0 %

V.2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Thành viên ban kiểm soát và các hoạt động:

Ban kiểm soát (BKS) gồm 03 thành viên hoạt động kiêm nhiệm:

- + Bà Nguyễn Thúy Hạnh – Trưởng ban
- + Bà Nguyễn Thị Kim Anh – Kiểm soát viên
- + Ông Phan Đức Minh – Kiểm soát viên

Giữa 2 kì đại hội cổ đông 2021 - 2022, BKS đã tiến hành các hoạt động :

- + Tổ chức họp định kỳ và đột xuất.
- + Tham dự các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị khi được mời.
- + Tham dự các cuộc họp sơ kết 6 tháng, 9 tháng và tổng kết năm 2021.
- + Tham gia kiểm kê tài sản, kiểm kê quỹ tiền mặt hàng tháng.
- + Xem xét các Báo cáo tài chính định kì hàng quý, các báo cáo tổng hợp hàng quý về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- + Xem xét các thư trao đổi, báo cáo của đơn vị kiểm toán.
- + Thẩm định báo cáo tài chính năm 2021.
- + Giám sát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.
- + Các hoạt động khác trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của Ban kiểm soát

Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát

Giữa 2 kì đại hội cổ đông 2021 - 2022, Ban kiểm soát đã tiến hành họp 02 lần:

- + Lần 1: Xem xét BCTC 6 tháng năm 2021 và các vấn đề liên quan.
- + Lần 2: Trao đổi, xem xét các ý kiến của kiểm toán độc lập và thẩm định BCTC 2021, thống nhất thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên 2022.

Ngoài ra, trong năm các thành viên Ban Kiểm soát luôn có sự trao đổi ý kiến thường xuyên về các hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

V.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

V.3.1. Thù lao:

STT	CHỨC DANH	MỨC THÙ LAO (đ/ tháng)
1	Chủ tịch HĐQT	10.000.000
2	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	10.000.000
3	Ủy viên HĐQT	8.000.000
4	Trưởng Ban Kiểm soát	5.000.000
5	Ủy viên Ban Kiểm soát	3.000.000
6	Thư kí HĐQT	4.000.000

V.3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

V.3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

- Hợp đồng với Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam:

- Hợp đồng số 04/NXBGDVN/HĐTHXB về việc Thu phí quản lí xuất bản.
- Hợp đồng số 19/HĐKT-2021 về việc thuê cơ sở vật chất

- Hợp đồng với Công ty TNHH 1 TV Hồng Hà Thành Công: Hợp đồng số 03-1/2013/HĐ/HHTC-HEID ngày 03/01/2013 về việc: Thuê mặt bằng tầng 4, 5, 8 tại Tòa nhà văn phòng HEID – Ngõ 6A – Phố Thành Công – Thành Công – Ba Đình – Hà Nội.

V.3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Thực hiện theo các quy định về quản trị của Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

VI.1. Ý kiến kiểm toán (Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được lập ngày 15/03/2022, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh

giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

VI.2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	1/1/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		427.158.159.224	397.713.978.478
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	196.909.890.107	172.955.652.798
111	1. Tiền		16.909.890.107	20.955.652.798
112	2. Các khoản tương đương tiền		180.000.000.000	152.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	27.780.900	10.014.727.500
121	1. Chứng khoán kinh doanh		118.776.400	118.776.400
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(90.995.500)	(104.048.900)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	10.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		91.083.416.503	61.022.073.423
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	78.534.996.110	62.827.535.703
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	22.483.089.312	15.526.463.856
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	9.129.609.244	7.546.507.803
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(19.064.278.163)	(24.878.433.939)
140	IV. Hàng tồn kho	9	129.929.964.622	145.122.760.395
141	1. Hàng tồn kho		151.137.245.223	158.502.058.472
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(21.207.280.601)	(13.379.298.077)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		9.207.107.092	8.598.764.362
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	8.496.433.543	8.333.077.929
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		106.519.241	75.440.027
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	604.154.308	190.246.406

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	1/1/2021
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		78.240.801.545	81.141.644.641
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		381.800.000	381.800.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	381.800.000	381.800.000
220	II. Tài sản cố định		2.650.061.345	312.106.160
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	2.650.061.345	312.106.160
222	- Nguyên giá		12.814.878.764	11.774.007.673
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(10.164.817.419)	(11.461.901.513)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	53.219.314.418	56.709.105.518
231	- Nguyên giá		87.244.777.643	87.244.777.643
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(34.025.463.225)	(30.535.672.125)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	300.000.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	300.000.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	21.180.367.535	20.106.569.294
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		17.967.867.535	16.894.069.294
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.212.500.000	1.212.500.000
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.000.000.000	2.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		809.258.247	3.332.063.669
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	179.494.199	183.243.425
269	2. Lợi thế thương mại	13	629.764.048	3.148.820.244
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		505.398.960.769	478.855.623.119

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	1/1/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		173.523.943.264	171.465.850.288
310	I. Nợ ngắn hạn		171.387.911.811	168.891.098.283
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	65.938.711.916	52.771.657.624
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	615.096.155	817.973.069
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	7.612.315.007	3.709.488.283
314	4. Phải trả người lao động		29.312.221.831	16.476.809.151
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	40.376.949.296	35.427.828.018
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		157.146.818	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	3.748.934.623	791.691.327
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	14.606.710.258	51.451.447.992
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		9.019.825.907	7.444.202.819
330	II. Nợ dài hạn		2.136.031.453	2.574.752.005
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	1.523.730.600	1.569.835.000
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31	612.300.853	1.004.917.005
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		331.875.017.505	307.389.772.831
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	331.875.017.505	307.389.772.831
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>150.000.000.000</i>	<i>150.000.000.000</i>
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.934.655.948	1.934.655.948
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		98.722.360.020	84.085.450.855
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		23.543.313.176	21.240.214.238
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		56.013.832.458	48.549.970.208
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		<i>20.417.258.918</i>	<i>10.793.782.399</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		<i>35.596.573.540</i>	<i>37.756.187.809</i>
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		1.660.855.903	1.579.481.582
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		505.398.960.769	478.855.623.119

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	813.212.428.129	686.410.995.352
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	34.382.929.571	19.536.172.919
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		778.829.498.558	666.874.822.433
11	4. Giá vốn hàng bán	24	562.296.680.100	485.374.904.861
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		216.532.818.458	181.499.917.572
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	7.098.358.337	4.674.866.643
22	7. Chi phí tài chính	26	6.954.052.938	6.439.590.625
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		2.529.730.610	4.093.901.108
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		1.073.798.241	800.088.036
25	9. Chi phí bán hàng	27	81.713.316.032	70.243.450.710
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	70.893.375.657	47.921.211.571
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		65.144.230.409	62.370.619.345
31	12. Thu nhập khác	29	1.033.938.633	774.966.412
32	13. Chi phí khác		45.317.456	279.181.809
40	14. Lợi nhuận khác		988.621.177	495.784.603
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		66.132.851.586	62.866.403.948
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	17.028.559.869	12.195.190.599
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	31	(392.616.152)	790.755.030
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		49.496.907.869	49.880.458.319
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		49.313.533.548	49.769.349.792
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		183.374.321	111.108.527
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	2.827	2.918

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		66.132.851.586	62.866.403.948
	2. Điều chỉnh cho các khoản		2.955.465.653	16.782.517.460
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		6.485.374.111	7.432.276.705
03	- Các khoản dự phòng		2.000.773.348	10.371.410.857
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(8.060.412.416)	(5.115.071.210)
06	- Chi phí lãi vay		2.529.730.610	4.093.901.108
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		69.088.317.239	79.648.921.408
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(24.905.309.133)	(16.954.859.396)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		7.364.813.249	48.743.338.425
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		32.484.134.355	2.717.197.574
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(159.606.388)	25.999.519.387
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.562.833.975)	(4.116.101.021)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(11.968.746.680)	(12.502.783.263)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	115.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.633.988.814)	(5.129.639.706)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		63.706.779.853	118.520.593.408
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(2.514.482.000)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		618.181.818	90.909.091
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		10.000.000.000	10.000.000.000
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	9.492.800.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7.090.495.372	3.834.511.990
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		15.194.195.190	23.418.221.081

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		175.741.767.464	321.808.570.569
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(212.586.505.198)	(339.580.866.589)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(18.102.000.000)	(19.500.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(54.946.737.734)	(37.272.296.020)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		23.954.237.309	104.666.518.469
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		172.955.652.798	68.289.134.329
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	196.909.890.107	172.955.652.798

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102222393 cấp lần đầu ngày 17/04/2007 và thay đổi lần thứ 04 ngày 26/04/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Địa điểm đăng ký kinh doanh: 187B Giảng Võ, Phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch của Công ty tại: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND, tương đương 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 143 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 134 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Phát hành xuất bản phẩm;
- Phát hành sách giáo khoa, sách bổ trợ, sách tham khảo chất lượng cao, các sản phẩm giáo dục theo hướng đổi mới phương pháp dạy học, tự học và các loại sản phẩm giáo dục khác;
- Kinh doanh các sản phẩm thiết bị giáo dục, thiết bị văn phòng, các phần mềm giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh, quần áo, đồng phục cho học sinh và lịch các loại;
- Thiết kế mỹ thuật, chế bản, tạo mẫu in (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ dịch thuật, phiên dịch, biên dịch và mua bán bản quyền tác giả;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dùng và phương tiện dạy học;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục. Đặc thù ngành nghề kinh doanh này là mang tính thời vụ, các loại sách giáo khoa, sách bổ

trợ sách giáo khoa và sách tham khảo chủ yếu được phát hành và phân phối trong giai đoạn Quý II và Quý III hàng năm (là giai đoạn chuẩn bị cho năm học mới).

Tình hình in và phát hành sách giáo khoa cho năm học 2021-2022 Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, các nhà in và Công ty cũng đã chủ động các phương án để đẩy mạnh hoạt động phát hành sách nhằm thực hiện chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc đảm bảo cung ứng sách giáo khoa đầy đủ cho các cấp học đặc biệt là các lớp 1, 2, 6 áp dụng theo chương trình giáo dục phổ thông mới, tập huấn, phân phối sách đến các địa bàn. Công ty cũng đã nỗ lực trong việc duy trì các thị trường, địa bàn tiêu thụ truyền thống, đồng thời đẩy mạnh công tác giới thiệu sách giáo khoa mới mà Công ty phát hành và phân phối đến các địa bàn tiềm năng. Ngoài ra, Công ty cũng tổ chức tốt công tác tập huấn, hướng dẫn giảng dạy, sử dụng sách mới đã góp phần đáng kể vào việc duy trì và phát triển thị trường tiêu thụ. Trong năm, tình trạng in lậu và tiêu thụ các loại sách giáo khoa giả giảm sau khi các cơ quan chức năng liên tiếp phát hiện và khởi tố các vụ án in lậu và tiêu thụ sách giả có quy mô góp phần lành mạnh thị trường cho các đơn vị phát hành sách chính thống như Công ty. Các nguyên nhân chủ yếu nêu trên dẫn đến sản lượng phát hành sách của Công ty tăng mạnh đồng thời các chi phí bán hàng như chi phí tập huấn giới thiệu sách và chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng tương ứng so với năm trước.

Cấu trúc tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh Bất động sản
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Hà Nội	89,0%	89,0%	Dịch thuật, biên soạn và kinh doanh thiết bị giáo dục
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Lạng Sơn	Lạng Sơn	66,0%	66,0%	Kinh doanh sách, thiết bị trường học

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư trái phiếu và đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng kỳ thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

2.7. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết

sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu kỳ báo cáo, Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các kỳ trước, Công ty thực hiện điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu kỳ báo cáo.
- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán của các kỳ trước, Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết phát sinh trong kỳ, Công ty thực hiện loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên doanh, liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên doanh, liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên doanh, liên kết kỳ báo cáo. Sau đó Công ty thực hiện điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên doanh, liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng;
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư;
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng Ban Tổng Giám đốc đánh giá khó có khả năng thu hồi.

2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm đối với hoạt động kinh doanh sách: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	02 năm
Phương tiện vận tải	03 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

2.11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc

12 - 25 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

2.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BBC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Khi đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, BCC được giao cho đối tác hạch toán toàn bộ doanh thu, chi phí, thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và phân chia lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng BCC.

2.15. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ được hạch toán riêng; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT, doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra bao gồm cả doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế không hạch toán riêng được. Đối với thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, Công ty thực hiện phân bổ vào giá vốn hàng bán theo tỷ lệ giữa giá vốn hàng bán so với giá vốn hàng bán cộng với giá trị của hàng tồn kho cuối năm.

Phí bản thảo, phí quản lý xuất bản được ghi nhận căn cứ theo hóa đơn tài chính của nhà xuất bản và được phân bổ vào giá thành căn cứ vào số lượng sách in nhập kho trong kỳ.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 6 tháng đến 12 tháng.

Chi phí thuê văn phòng chờ phân bổ được ghi vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

2.16. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.17. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.19. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.20. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng ban quản lý điều hành Công ty: quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.21. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động là doanh thu cho thuê tại tòa nhà K3B Thành Công địa chỉ K3B Ngõ 6A, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội, được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

2.22. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì Công ty ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì Công ty ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.23. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phân trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan, được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.24. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

Chi phí đi vay vốn;

Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm;

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác,...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

2.26. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.27. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.28. Thông tin bộ phận

Do Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh sách giáo dục và các sản phẩm giáo dục khác, và toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN		31/12/2021	01/01/2021
		VND	VND
Tiền mặt		1.434.441.285	1.155.542.269
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		15.475.448.822	19.800.110.529
Các khoản tương đương tiền ⁽ⁱ⁾		180.000.000.000	152.000.000.000
		196.909.890.107	172.955.652.798

⁽ⁱ⁾ Tại ngày 31/12/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng có giá trị 180.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành với lãi suất 3,3%/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH		31/12/2021		01/01/2021	
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn					
Tiền gửi có kỳ hạn		-	-	10.000.000.000	-
		-	-	10.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn					
Trái phiếu ⁽ⁱ⁾		2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
		2.000.000.000	-	2.000.000.000	-

⁽ⁱ⁾ Công ty mua 200 trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trong năm 2017 (100 trái phiếu) và năm 2019 (100 trái phiếu) với mệnh giá trái phiếu là 10.000.000 VND/trái phiếu, kỳ hạn 10 năm với lãi suất thả nổi.

b) Chứng khoán kinh doanh			31/12/2021			01/01/2021		
	Mã chứng khoán	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	
Cổ phiếu chưa niêm yết (ii)		97.000.000	22.853.400	(74.146.600)	97.000.000	9.800.000	(87.200.000)	
-	Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long	74.600.000	14.853.400	(59.746.600)	74.600.000	1.800.000	(72.800.000)	
-	Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam	22.400.000	8.000.000	(14.400.000)	22.400.000	8.000.000	(14.400.000)	
Cổ phiếu đã niêm yết (ii)								
-	Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	21.500.000	4.887.500	(16.612.500)	21.500.000	4.887.500	(16.612.500)	
-	Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh	276.400	40.000	(236.400)	276.400	40.000	(236.400)	
		118.776.400	27.780.900	(90.995.500)	118.776.400	14.727.500	(104.048.900)	

(ii) Giá trị hợp lý của các cổ phiếu chưa niêm yết đang giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán UPCOM được xác định theo giá bình quân của cổ phiếu trên hệ thống tại ngày 31/12/2020 và ngày 31/12/2021. Giá trị hợp lý của các cổ phiếu đã niêm yết được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày 31/12/2020 và ngày 31/12/2021 trên sàn giao dịch chứng khoán HNX và HOSE.

c) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			31/12/2021			01/01/2021		
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Tỷ lệ lợi ích %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	
Đầu tư vào Công ty liên kết				17.967.867.535			16.894.069.294	
-	Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Hà Nội	46,34%	46,34%	17.967.867.535	46,34%	46,34%	16.894.069.294
				17.967.867.535			16.894.069.294	

d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		Mã chứng khoán	31/12/2021		01/01/2021	
			Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
			VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác						
-	Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội ^(iv)	EPH	1.212.500.000	-	1.212.500.000	-
			1.212.500.000	-	1.212.500.000	-

^{iv)} Do khoản đầu tư có ít giao dịch trên thị trường nên Công ty không xác định giá trị hợp lý theo giá giao dịch trên thị trường.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG					
		31/12/2021		01/01/2021	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo nội dung có số dư lớn					
	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	3.139.314.196	(2.207.677.120)	16.286.548.291	(10.336.609.076)
	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Sơn La	10.825.671.000	(3.247.701.300)	9.666.443.821	(3.150.138.628)
	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Lào Cai	2.611.685.703	-	1.717.818.183	-
	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hưng Yên	1.967.730.045	-	1.714.077.798	-
	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Nghệ An	3.925.839.627	-	3.306.126.052	-
	Các khách hàng khác	56.064.755.539	(4.332.697.137)	30.136.521.558	(4.916.757.138)
		78.534.996.110	(9.788.075.557)	62.827.535.703	(18.403.504.842)
b) Trong đó: Phải thu của khách hàng là					
	các bên liên quan	7.192.124.949	(2.207.677.120)	25.051.442.876	(10.336.609.076)
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)					

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN		31/12/2021		01/01/2021	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
Trả trước cho người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn					
Nhà Máy in Bộ quốc phòng	9.955.398.435	-		6.335.749.647	-
Công ty TNHH Dịch vụ sách Nam An	5.476.035.165	(2.604.896.067)		5.210.278.134	-
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học, dạy học, dạy nghề Nam Việt	1.080.000.000	-		67.500.000	-
Trả trước cho người bán khác	5.971.655.712	(21.800.000)		3.912.936.075	(21.800.000)
	22.483.089.312	(2.626.696.067)		15.526.463.856	(21.800.000)
7. PHẢI THU KHÁC					
		31/12/2021		01/01/2021	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn					
Phải thu về lãi tiền gửi	-	-		422.063.015	-
Phải thu về tiền tạm ứng	1.096.472.837	-		308.229.617	-
Ký cược, ký quỹ	257.911.400	-		175.250.000	-
Phải thu khác	7.775.225.007	(6.649.506.539)		6.640.965.171	(6.453.129.097)
- Dự án Xây dựng mở rộng mặt bằng sản xuất tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội ⁽¹⁾	6.649.506.539	(6.649.506.539)		6.453.129.097	(6.453.129.097)
- Các khoản phải thu khác	1.125.718.468	-		187.836.074	-
	9.129.609.244	(6.649.506.539)		7.546.507.803	(6.453.129.097)
b) Dài hạn					
Ký cược, ký quỹ	381.800.000	-		381.800.000	-
	381.800.000	-		381.800.000	-
c) Trong đó: Phải thu khác là					
các bên liên quan	6.649.506.539	(6.649.506.539)		6.453.129.097	(6.453.129.097)
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)					

⁽¹⁾ Đây là khoản vốn góp của Công ty để thực hiện Hợp đồng số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 giữa Công ty và các bên gồm: Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội; Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất (làm kho, xưởng sản xuất).

Trong năm 2018, đại diện các bên góp vốn và chủ đầu tư (Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội) đã họp và thống nhất chủ trương chuyển nhượng, đảm bảo thu hồi vốn đầu tư trên nguyên tắc bảo toàn vốn đầu tư xây dựng mở rộng mặt bằng sản xuất kho. Tuy nhiên đến nay, chủ đầu tư vẫn chưa thực hiện được chủ trương này. Công ty đánh giá công tác triển khai dự án hay chuyển nhượng lại dự án để thu hồi vốn là rất khó khăn và đã thực hiện trích lập dự phòng 100% đối với khoản phải thu này.

8. NỢ XẤU					
Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:					
		31/12/2021		01/01/2021	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
		VND	VND	VND	VND
	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam ⁽ⁱ⁾	3.139.314.196	931.637.076	10.336.609.076	-
	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Sơn La	10.825.671.000	7.577.969.700	9.666.443.821	6.516.305.193
	Dự án Xây dựng mở rộng mặt bằng sản xuất tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, Hà Nội	6.649.506.539	-	6.649.506.539	-
	Công ty TNHH Dịch vụ Sách Nam An	5.476.035.165	2.871.139.098	-	-
	Các đối tượng khác	7.820.211.515	3.465.714.378	8.251.714.483	3.509.534.787
		33.910.738.415	14.846.460.252	34.904.273.919	10.025.839.980

Giá trị có thể thu hồi nêu trên được xác định bằng giá gốc trừ đi phần dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập cho các đối tượng phải thu này. Ban Tổng giám đốc Công ty đang thực hiện mọi biện pháp nhằm thu hồi toàn bộ các khoản nợ phải thu khó đòi này.

⁽ⁱ⁾ Do tình hình tiêu thụ bộ sách Tiếng anh 3S (Express) gặp nhiều khó khăn nên Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam chưa thể thanh toán khoản công nợ mua sách phát sinh từ năm 2017 theo đúng thời hạn thanh toán được quy định trong các hợp đồng mua bán. Căn cứ vào số nợ quá hạn và thời gian quá hạn thanh toán với công ty này trong các năm trước, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Năm nay, theo thỏa thuận hợp đồng giữa hai bên, Công ty đã đồng ý nhận trả lại bộ sách Tiếng Anh 3S (Express) của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam, Công ty đã đồng thời hạch toán giảm nợ phải thu và dự phòng tương ứng đối với công ty này và ghi nhận một khoản hàng bán bị trả lại giá trị 10.483.753.120 VND (Thuyết minh 23). Công ty cũng đã đánh giá để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với các loại sách nhận trả lại (xem Thuyết minh 9).

9. HÀNG TỒN KHO					
		31/12/2021		01/01/2021	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
	Nguyên liệu, vật liệu	40.480.001.919	-	50.551.745.227	-
	Công cụ, dụng cụ	1.586.025	-	2.299.950	-
	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	24.076.220.355	-	25.757.634.097	-
	Thành phẩm	38.931.314.394	(21.207.280.601)	26.788.360.432	(13.379.298.077)
	Hàng hoá	23.168.363.497	-	42.186.024.995	-
	Hàng gửi đi bán	24.479.759.033	-	13.215.993.771	-
		151.137.245.223	(21.207.280.601)	158.502.058.472	(13.379.298.077)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là thành phẩm được trích lập do giá trị các loại sách chậm luân chuyển, đã lạc hậu về nội dung, cũ nát, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ và đang chờ thanh lý. Các loại sách này sẽ được Công ty xem xét biện pháp thanh lý khi hết mùa vụ phát hành.

(i) Trong năm, Công ty nhập lại bộ sách Tiếng Anh 3S (Express) do Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam trả lại do khó tiêu thụ, Công ty đã lập hội đồng đánh giá trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho các đầu sách này bằng 100% trị giá vốn.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC		31/12/2021	01/01/2021
		VND	VND
a) Ngắn hạn			
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ ⁽ⁱ⁾		6.452.071.878	7.541.536.737
Công cụ dụng cụ xuất dùng		1.797.961.665	532.541.192
Chi phí thuê cửa hàng, thuê kho chờ phân bổ		246.400.000	259.000.000
		8.496.433.543	8.333.077.929
b) Dài hạn			
Chi phí mua bản quyền in sách		179.494.199	183.243.425
		179.494.199	183.243.425

⁽ⁱ⁾ Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ vào giá vốn hàng bán căn cứ theo tỷ lệ giữa giá vốn hàng bán so với giá vốn hàng bán cộng với giá thành của hàng tồn kho.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH		Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
		VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm		351.270.739	10.332.353.788	1.090.383.146	11.774.007.673
-	Mua trong năm	-	2.435.127.818	379.354.182	2.814.482.000
-	Thanh lý, nhượng bán	-	(1.773.610.909)	-	(1.773.610.909)
Số dư cuối năm		351.270.739	10.993.870.697	1.469.737.328	12.814.878.764
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm		307.361.901	10.089.933.135	1.064.606.477	11.461.901.513
-	Khấu hao trong năm	43.908.838	383.208.127	49.409.850	476.526.815
-	Thanh lý, nhượng bán	-	(1.773.610.909)	-	(1.773.610.909)
Số dư cuối năm		351.270.739	8.699.530.353	1.114.016.327	10.164.817.419
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm		43.908.838	242.420.653	25.776.669	312.106.160
Tại ngày cuối năm		-	2.294.340.344	355.721.001	2.650.061.345

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng 7.841.373.389 VND.

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là tòa nhà K3B Thành Công tại địa chỉ K3B Ngõ 6A, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội với nguyên giá là 87.244.777.643 VND, giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2021 là 34.025.463.225 VND trong đó khấu hao trong năm là 3.489.791.100 VND.

Bất động sản đầu tư này đang được sử dụng để cho thuê và được dùng để đảm bảo cho Hợp đồng vay tín dụng số 01/2020-HĐCV-SĐBS/NHCT106-HEID ngày 16/07/2020 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

13. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế thương mại phát sinh tại ngày mua Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công và Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Lạng Sơn (công ty con) với tổng giá trị là 25.350.887.386 VND, trong đó:

- Lợi thế thương mại phát sinh tại ngày mua Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công với giá trị 25.190.561.959 VND được phân bổ trong vòng 10 năm (120 tháng), thời gian phân bổ còn lại là 15 tháng tương ứng giá trị còn lại là 3.148.820.244 VND. Lợi thế thương mại đã phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm là 2.519.056.196 VND;
- Lợi thế thương mại phát sinh tại ngày mua Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Lạng Sơn với giá trị 160.325.427 VND đã được phân bổ toàn bộ vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm 2019.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN	31/12/2021		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	6.090.827.961	6.090.827.961	7.543.745.298	7.543.745.298
Công ty TNHH Phần Mềm và Giải Pháp Sao Khuê	14.920.761.650	14.920.761.650	7.695.553.340	7.695.553.340
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	538.678.001	538.678.001	1.032.248.787	1.032.248.787
Phải trả cho các đối tượng	44.388.444.304	44.388.444.304	36.500.110.199	36.500.110.199
	65.938.711.916	65.938.711.916	52.771.657.624	52.771.657.624
b) Phải trả người bán				
là các bên liên quan	6.696.679.739	6.696.679.739	11.039.545.999	11.039.545.999
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)				

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC							
	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Thuế giá trị gia tăng	-	562.854.762	2.996.614.105	2.435.945.727	-	1.123.523.140	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	178.773.293	632.042.140	17.030.431.162	11.968.746.680	387.701.595	5.900.834.924	
Thuế thu nhập cá nhân	6.630.113	2.477.969.779	4.839.661.589	6.934.602.735	211.609.713	587.956.940	
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	539.172.928	539.172.928	-	-	
Các loại thuế khác	4.843.000	36.621.602	66.123.957	102.745.556	4.843.000	3	
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-	-	-	
	190.246.406	3.709.488.283	25.472.003.741	21.981.213.626	604.154.308	7.612.315.007	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ			
		31/12/2021	01/01/2021
		VND	VND
	Chi phí lãi vay	8.483.896	41.587.261
	Trích trước chi phí tổ chức bàn thảo, công in, tổ chức và quản lý xuất bản, phí bản quyền sách	24.686.897.680	24.348.191.709
	Chi phí phải trả nhà cung cấp	3.168.827.290	5.428.953.311
	Trích trước chi phí bản quyền và dịch sách	8.363.702.149	2.661.220.994
	Chi phí phải trả khác	4.149.038.281	2.947.874.743
		40.376.949.296	35.427.828.018
18. PHẢI TRẢ KHÁC			
		31/12/2021	01/01/2021
		VND	VND
	a) Ngắn hạn		
	Kinh phí công đoàn	618.016.340	425.706.170
	Bảo hiểm xã hội	1.311.064	15.185.250
	Bảo hiểm y tế	4.764.491	2.679.750
	Bảo hiểm thất nghiệp	2.228.536	1.191.000
	Cổ tức lợi nhuận phải trả	14.000.000	14.000.000
	Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.108.614.192	332.929.157
		3.748.934.623	791.691.327
	b) Dài hạn		
	Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.523.730.600	1.569.835.000
		1.523.730.600	1.569.835.000

19. VAY NGẮN HẠN		01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
-	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	25.562.702.506	25.562.702.506	115.994.989.262	126.950.981.510	14.606.710.258	14.606.710.258
-	Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam	25.888.745.486	25.888.745.486	26.238.398.861	52.127.144.347	-	-
-	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	-	-	33.508.379.341	33.508.379.341	-	-
		51.451.447.992	51.451.447.992	175.741.767.464	212.586.505.198	14.606.710.258	14.606.710.258
Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn							
Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty tại ngày 31/12/2021 như sau:							
			Loại tiền	Hợp đồng vay	Hình thức đảm bảo	31/12/2021	01/01/2021
						VND	VND
	Vay ngắn hạn					14.606.710.258	51.451.447.992
	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Hà Nội	VND	Theo từng khế ước	Tài sản gắn liền với đất của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công		14.606.710.258	25.562.702.506
	Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam	VND	Theo từng khế ước	Quyền sở hữu và lợi ích trong các hợp đồng mua bán/ cung cấp hàng hóa dịch vụ mà bên thế chấp có quyền sở hữu		-	25.888.745.486
						14.606.710.258	51.451.447.992

Mục đích vay ngắn hạn từ ngân hàng của Công ty là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU							
a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu							
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	1.934.655.948	71.600.088.528	19.238.020.574	38.774.757.399	1.468.373.055	283.015.895.504
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	49.769.349.792	111.108.527	49.880.458.319
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(19.500.000.000)	-	(19.500.000.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	8.480.975.000	-	(8.480.975.000)	-	-
Trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	4.004.387.327	2.002.193.664	(6.006.580.991)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(4.004.387.328)	-	(4.004.387.328)
Trích Quỹ điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	(2.002.193.664)	-	(2.002.193.664)
Số dư cuối năm trước	150.000.000.000	1.934.655.948	84.085.450.855	21.240.214.238	48.549.970.208	1.579.481.582	307.389.772.831
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	49.313.533.548	183.374.321	49.496.907.869
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(18.000.000.000)	(102.000.000)	(18.102.000.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	10.030.711.290	-	(10.030.711.290)	-	-
Tạm trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2021	-	-	-	-	(4.606.197.876)	-	(4.606.197.876)
Tạm trích lập Quỹ điều hành theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2021	-	-	-	-	(2.303.098.938)	-	(2.303.098.938)
Tạm phân phối quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2021	-	-	4.606.197.875	2.303.098.938	(6.909.296.813)	-	-
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	(366.381)	-	(366.381)
Số dư cuối năm nay	150.000.000.000	1.934.655.948	98.722.360.020	23.543.313.176	56.013.832.458	1.660.855.903	331.875.017.505
TEST Đầu năm	-	-	-	-	-	-	-

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/02/2021, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2020 trên Báo cáo tài chính riêng:		40.043.873.273
Đã tạm phân phối trong năm 2020 như sau		
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	10%	4.004.387.327
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	10%	4.004.387.328
- Trích Quỹ điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm	5%	2.002.193.664
- Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5%	2.002.193.664
Phân phối phần lợi nhuận năm 2020 còn lại trong năm nay		
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	25%	10.030.711.290
- Chi trả cổ tức	12%/cổ phần	18.000.000.000
(Tương ứng mỗi cổ phần nhận 1.200 VND)		
Lợi nhuận năm 2020 còn lại chưa phân phối		-

Theo phương án phân chia kết quả kinh doanh năm 2021 của Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2021, Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2021 trên Báo cáo tài chính riêng		46.061.978.752
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	10%	4.606.197.875
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	10%	4.606.197.876
Trích Quỹ điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	5%	2.303.098.938
Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5%	2.303.098.938
Lợi nhuận năm 2021 còn lại chưa phân phối		32.243.385.125

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu					
	31/12/2021	Tỷ lệ	01/01/2021	Tỷ lệ	
	VND	%	VND	%	
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	60.246.000.000	40,16%	60.246.000.000	40,16%	
AFC VF Limited	15.647.000.000	10,43%	8.969.000.000	5,98%	
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục	7.581.890.000	5,05%	7.581.890.000	5,05%	
Peter Eric Dennis	8.433.000.000	5,62%	7.816.000.000	5,21%	
Các cổ đông khác	58.092.110.000	38,74%	65.387.110.000	43,60%	
Cộng	150.000.000.000	100%	150.000.000.000	100%	

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu			
-	Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
-	Vốn góp cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia			
-	Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	14.000.000	14.000.000
-	Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	18.102.000.000	19.500.000.000
	+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>18.102.000.000</i>	<i>19.500.000.000</i>
-	Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả trong năm	(18.102.000.000)	(19.500.000.000)
	+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>(18.102.000.000)</i>	<i>(19.500.000.000)</i>
-	Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	14.000.000	14.000.000
d) Cổ phiếu			
		31/12/2021	01/01/2021
		VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành			
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		15.000.000	15.000.000
-	<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>15.000.000</i>	<i>15.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		15.000.000	15.000.000
-	<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>15.000.000</i>	<i>15.000.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu			
e) Các quỹ của Tổng công ty			
		31/12/2021	01/01/2021
		VND	VND
-	Quỹ đầu tư phát triển	98.722.360.020	84.085.450.855
-	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	23.543.313.176	21.240.214.238
		122.265.673.196	105.325.665.093
21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG			
a) Tài sản cho thuê ngoài			
Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2021, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:			
		31/12/2021	01/01/2021
		VND	VND
	Từ 1 năm trở xuống	818.181.818	7.841.822.280
	Từ 1 năm đến 5 năm	13.155.524.927	16.437.288.260
b) Tài sản thuê ngoài			
Công ty thuê văn phòng, cửa hàng và các nhà kho theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2021, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:			
		31/12/2021	01/01/2021
		VND	VND
	Từ 1 năm trở xuống	2.089.363.636	1.044.000.000
	Từ 1 năm đến 5 năm	6.716.727.273	4.008.000.000
	Trên 5 năm	175.000.000	720.000.000

Ngoài ra, Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công (Công ty con) ký hợp đồng thuê đất tại số K3b, ngõ 6A, phố Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội với Nhà nước nhằm mục đích sử dụng đất để đầu tư xây dựng và kinh doanh công trình tòa nhà văn phòng cho thuê, thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 10/08/2009. Diện tích đất thuê là 1.023 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho Nhà nước cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành.

22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
	Doanh thu bán hàng	806.201.791.452	678.752.287.491
-	Doanh thu sách giáo khoa, sách bổ trợ	582.205.087.883	485.071.471.199
-	Doanh thu sách tham khảo	151.474.868.583	133.478.993.557
-	Doanh thu bán vật tư	1.614.497.722	2.097.055.127
-	Doanh thu thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác	70.907.337.264	58.104.767.608
	Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng	7.010.636.677	7.658.707.861
		813.212.428.129	686.410.995.352
	Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)	144.696.432.599	137.631.952.566

23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
	Chiết khấu thương mại	22.534.796.673	15.651.566.274
	Hàng bán bị trả lại	11.848.132.898	3.884.606.645
		34.382.929.571	19.536.172.919

⁽ⁱ⁾ Trong đó, Hàng bán bị trả lại năm 2021 bao gồm bộ sách Spark Special Edition với tổng số lượng 224.330 bản với giá trị 10.483.753.120 được nhận trả lại từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (Xem Thuyết minh 8 và 9).

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN		Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
	Giá vốn của vật tư, thành phẩm, hàng hóa đã bán	501.730.197.656	477.130.244.538
-	Giá vốn bán sách giáo khoa, sách bổ trợ	415.009.553.507	327.397.945.162
-	Giá vốn bán sách tham khảo	85.015.506.235	105.309.334.347
-	Giá vốn bán vật tư	1.705.137.914	2.153.112.629
-	Giá vốn bán thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác	47.849.643.237	42.269.852.400
	Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng	4.888.856.683	3.105.875.717
	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	7.827.982.524	5.138.784.606
		562.296.680.100	485.374.904.861
	Trong đó: Giá vốn đối với các bên liên quan		
	Tổng giá trị mua vào:	247.086.336.321	86.479.389.288
	(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)		

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
	Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.597.182.357	3.152.824.083
	Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.071.250.000	1.071.250.000
	Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	429.925.980	450.792.560
		7.098.358.337	4.674.866.643
	Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan	1.071.250.000	1.071.250.000
	(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)		
26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH		Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
	Lãi tiền vay	2.529.730.610	4.093.901.108
	Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	4.437.364.187	3.610.188.909
	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(13.053.400)	(1.270.118.300)
	Chi phí tài chính khác	11.541	5.618.908
		6.954.052.938	6.439.590.625

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG		Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu	295.142.806	248.071.269
	Chi phí nhân công	30.449.866.924	24.327.658.028
	Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	281.765.870	63.108.271
	Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	2.944.990
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.996.583.245	22.676.012.606
	Chi phí khác bằng tiền	23.689.957.187	22.925.655.546
		81.713.316.032	70.243.450.710
	Trong đó: Chi phí bán hàng mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)	2.405.573.662	1.764.050.302

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu	251.845.947	172.636.056
	Chi phí nhân công	21.102.281.437	17.971.535.305
	Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	562.518.244	619.799.596
	Chi phí khấu hao tài sản cố định	429.338.270	3.034.697.279
	Thuế, phí và lệ phí	554.297.922	566.699.724
	Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	(5.814.155.776)	6.502.744.551
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.694.156.952	10.440.993.065
	Chi phí khác bằng tiền	21.594.036.465	6.093.049.799
	Lợi thế thương mại	2.519.056.196	2.519.056.196
		70.893.375.657	47.921.211.571

29. THU NHẬP KHÁC		Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
	Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	318.181.818	90.909.091
	Nhận tài trợ bản quyền dịch sách	-	465.851.917
	Thu nhập khác	715.756.815	218.205.404
		1.033.938.633	774.966.412

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH		Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
	Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	15.804.871.208	10.828.964.283
	Chi phí thuế TNDN hiện hành tại (các) Công ty con	1.223.688.661	1.366.226.316
	Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	17.028.559.869	12.195.190.599

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI		
a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	612.300.853	1.004.917.005
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	612.300.853	1.004.917.005
b) Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	790.755.030
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nộp thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(392.616.152)	-
	(392.616.152)	790.755.030
32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU		
Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:		
	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	49.313.533.548	49.769.349.792
Các khoản điều chỉnh	(6.909.296.814)	(6.006.580.992)
- <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành</i>	<i>(6.909.296.814)</i>	<i>(6.006.580.992)</i>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	42.404.236.734	43.762.768.800
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.827	2.918

Căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2021, Công ty đã tạm trích Quỹ khen thưởng trên lợi nhuận năm 2021 với số tiền là 6.909.296.814 VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ		Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		215.895.185.288	220.731.412.102
Chi phí nhân công		54.573.515.066	45.073.560.737
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng		844.284.114	682.907.867
Chi phí khấu hao tài sản cố định		3.966.317.915	4.913.220.509
Thuế, phí và lệ phí		615.786.109	669.327.822
Chi phí dự phòng		(5.814.155.776)	6.502.744.551
Chi phí dịch vụ mua ngoài		193.350.660.138	135.845.869.622
Chi phí khác bằng tiền		45.282.458.087	32.930.425.319
Lợi thế thương mại		2.519.056.196	2.519.056.196
		511.233.107.137	449.868.524.725

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH					
Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:					
Giá trị sổ kế toán					
31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
	VND	VND	VND	VND	
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	196.909.890.107	-	172.955.652.798	-	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	88.046.405.354	(16.437.582.096)	70.755.843.506	(24.856.633.939)	
Các khoản cho vay	-	-	10.000.000.000	-	
Đầu tư ngắn hạn	118.776.400	(90.995.500)	118.776.400	(104.048.900)	
Đầu tư dài hạn	1.212.500.000	-	1.212.500.000	-	
Đầu tư trái phiếu	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-	
	286.287.571.861	(16.528.577.596)	255.042.772.704	(24.960.682.839)	
Giá trị sổ kế toán					
31/12/2021			01/01/2021		
VND			VND		
Nợ phải trả tài chính					
Vay và nợ			14.606.710.258	51.451.447.992	
Phải trả người bán, phải trả khác			71.211.377.139	55.133.183.951	
Chi phí phải trả			40.376.949.296	35.427.828.018	
			126.195.036.693	142.012.459.961	

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự

phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND		VND
Tại ngày 31/12/2021				
Đầu tư ngắn hạn	27.780.900	-	-	27.780.900
Đầu tư dài hạn	-	1.212.500.000	-	1.212.500.000
	27.780.900	1.212.500.000	-	1.240.280.900
Tại ngày 01/01/2021				
Đầu tư ngắn hạn	14.727.500	-	-	14.727.500
Đầu tư dài hạn	-	1.212.500.000	-	1.212.500.000
	14.727.500	1.212.500.000	-	1.227.227.500

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả

nội. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	196.909.890.107	-	-	196.909.890.107
Phải thu khách hàng, phải thu khác	71.227.023.258	381.800.000	-	71.608.823.258
Đầu tư trái phiếu	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
	268.136.913.365	381.800.000	2.000.000.000	270.518.713.365
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	172.955.652.798	-	-	172.955.652.798
Phải thu khách hàng, phải thu khác	45.517.409.567	381.800.000	-	45.899.209.567
Đầu tư trái phiếu	10.000.000.000	-	2.000.000.000	12.000.000.000
	228.473.062.365	381.800.000	2.000.000.000	230.854.862.365

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Vay và nợ	14.606.710.258	-	-	14.606.710.258
Phải trả người bán, phải trả khác	69.687.646.539	1.523.730.600	-	71.211.377.139
Chi phí phải trả	40.376.949.296	-	-	40.376.949.296
	124.671.306.093	1.523.730.600	-	126.195.036.693
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	51.451.447.992	-	-	51.451.447.992
Phải trả người bán, phải trả khác	53.563.348.951	1.569.835.000	-	55.133.183.951
Chi phí phải trả	35.427.828.018	-	-	35.427.828.018
	140.442.624.961	1.569.835.000	-	142.012.459.961

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

Toàn bộ số tiền vay nhận được phản ánh trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là tiền thực thu từ đi vay theo kế ước thông thường.

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Toàn bộ số tiền vay đã trả trong năm phản ánh trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là tiền thực trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường.

36. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN			
Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:			
Giao dịch phát sinh trong năm:			
	Mối quan hệ	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Doanh thu bán hàng		144.696.432.599	137.631.952.566
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể	6.309.372.493	389.756.634
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	Công ty liên kết	75.389.899.084	50.474.859.115
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội ⁽ⁱ⁾		2.416.160.991	209.619.409
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học thành phố Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾		510.000	16.548.381.670
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh ⁽ⁱ⁾		21.060.108.595	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng ⁽ⁱ⁾		9.483.797.790	12.077.694.643
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam ⁽ⁱ⁾		7.408.474.686	19.954.851.015
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long ⁽ⁱ⁾		432.156.000	1.063.421.935
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông ⁽ⁱ⁾		5.650.303.527	5.305.613.731
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc ⁽ⁱ⁾		6.775.990.817	13.559.903.534
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung ⁽ⁱ⁾		862.379.080	1.187.398.450
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam ⁽ⁱ⁾		923.994.790	6.848.412.584

	Mối quan hệ	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng ⁽ⁱ⁾		15.000.000	-
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội ⁽ⁱ⁾		73.280.360	15.836.600
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Điện Biên ⁽ⁱ⁾		7.895.004.386	9.996.203.246
Mua vật tư, hàng hóa, Phí tổ chức và quản lý xuất bản		247.086.336.321	86.479.389.288
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể	2.189.358.525	3.517.543.150
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội ⁽ⁱ⁾		193.003.439.659	31.359.815.839
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc ⁽ⁱ⁾		6.993.523.215	8.154.035.100
Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề ⁽ⁱ⁾		8.005.596.703	8.273.858.907
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội ⁽ⁱ⁾		14.365.429.654	11.030.940.532
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc ⁽ⁱ⁾		6.443.942.470	6.445.516.470
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học thành phố Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾		5.926.994.368	7.148.055.524
Công ty Cổ phần In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội ⁽ⁱ⁾		1.799.690.351	2.460.950.396
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông ⁽ⁱ⁾		1.203.826.618	1.007.496.150
Công ty Cổ phần Học liệu ⁽ⁱ⁾		2.680.000.000	578.430.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	Công ty liên kết	102.215.495	94.725.674
Công ty Cổ phần Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục ⁽ⁱ⁾		493.179.890	868.917.600
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng ⁽ⁱ⁾		361.191.850	1.583.190.952
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng ⁽ⁱ⁾		96.790.930	168.149.420
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục ⁽ⁱ⁾		-	6.500.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long ⁽ⁱ⁾		-	337.628.305
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung ⁽ⁱ⁾		-	86.015.840
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam ⁽ⁱ⁾		92.321.615	353.344.945
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam ⁽ⁱ⁾		3.238.802.727	2.916.427.038
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định ⁽ⁱ⁾		90.032.251	84.599.446
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục ⁽ⁱ⁾		-	3.248.000

	Mối quan hệ	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Chi phí dịch vụ thuê kho, thuê văn phòng		2.405.573.662	1.764.050.302
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội ⁽ⁱ⁾		1.161.272.728	1.158.454.213
Công ty Cổ phần In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội ⁽ⁱ⁾		1.244.300.934	605.596.089
Cổ tức và lợi nhuận được chia		1.071.250.000	1.071.250.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội ⁽ⁱ⁾		121.250.000	121.250.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	Công ty liên kết	950.000.000	950.000.000
Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:			
	Mối quan hệ	31/12/2021	01/01/2021
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		7.192.124.949	25.051.442.876
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể	485.807.099	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam ⁽ⁱ⁾		3.139.314.196	16.286.548.291
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	Công ty liên kết	-	24.630.830
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long ⁽ⁱ⁾		232.156.000	119.081.310
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Điện Biên ⁽ⁱ⁾		500.816.496	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng ⁽ⁱ⁾		-	1.016.214.230
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Tĩnh ⁽ⁱ⁾		273.427.199	-
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông ⁽ⁱ⁾		1.050.114.520	808.412.205
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc ⁽ⁱ⁾		-	740.897.394
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung ⁽ⁱ⁾		-	1.222.080
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam ⁽ⁱ⁾		1.373.029.069	2.541.355.894
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾		137.460.370	3.513.080.642
Phải thu khác ngắn hạn		6.649.506.539	6.453.129.097
Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội ⁽ⁱ⁾		6.649.506.539	6.453.129.097

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

		Mối quan hệ	31/12/2021	1/1/2021
			VND	VND
Phải trả cho người bán ngắn hạn			6.696.679.739	11.039.545.999
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể		-	1.687.117.564
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội ⁽ⁱ⁾			6.090.827.961	7.543.745.298
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội ⁽ⁱ⁾			538.678.001	1.032.248.787
Công ty Cổ phần Học liệu ⁽ⁱ⁾			-	3.430.000
Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục ⁽ⁱ⁾			-	17.214.000
Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội ⁽ⁱ⁾			67.173.777	755.790.350

⁽ⁱ⁾ Đơn vị trực thuộc hoặc Công ty con của Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Thù lao, tiền lương, thu nhập khác của từng thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác:				
		Chức danh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
	Ông Phạm Văn Thắng	Chủ tịch HĐQT	112.962.961	66.666.668
	Ông Vũ Bá Khánh	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc (miễn nhiệm từ 21/04/2021)	293.073.036	438.444.446
	Ông Lê Thành Anh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc (bỏ nhiệm từ 21/04/2021)	252.703.702	-
	Bà Đỗ Thị Phương	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm từ 21/04/2021)	16.296.296	53.333.332
	Bà Dương Thị Việt Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	369.148.149	325.111.112
	Bà Trần Thị Như Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ tháng 8/2020)	-	253.333.297
	Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT (bỏ nhiệm từ 21/04/2021)	74.074.075	-
	Bà Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HĐQT (bỏ nhiệm từ 21/04/2021) kiêm Kế toán	256.740.741	115.111.112
	Ông Phan Doãn Thoại	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ tháng 8/2020)	-	88.888.852
	Ông Phạm Quốc Cường	Phó Tổng giám đốc	51.199.999	-
	Ông Vũ Quang Thái	Phó Tổng giám đốc	74.888.888	-
	Ông Nguyễn Duy Hùng	Phó Tổng giám đốc	37.999.999	-
	Bà Nguyễn Thúy Hạnh	Trưởng Ban Kiểm soát	54.444.445	26.666.667
	Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Kiểm soát viên	31.851.852	13.333.332
	Ông Phan Đức Minh	Kiểm soát viên	31.851.852	13.333.332

Ngoài các giao dịch và số dư nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính.

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Thành Anh